

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DSST

Ngày: 22/9/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Liên và bà Hồ Thị Thu Uyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 95/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H; Địa chỉ: Thôn B, xã N B, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Thôn B, xã N B, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị D; Địa chỉ: Thôn B, xã N B, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông; Đã ủy quyền cho ông Phạm Văn H – Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2022 của nguyên đơn ông Phạm Văn H và lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Ngày 19/7/2019 vợ chồng tôi có cùng đối chiếu công nợ với ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T về việc mua bán cám nuôi heo. Thể hiện vợ chồng ông D và T còn nợ vợ chồng tôi số tiền là 97.038.000 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng). Trong giấy chốt nợ không thể hiện nhưng hai bên có thỏa thuận đến cuối năm 2019 thì ông bà T D trả toàn bộ số tiền nợ này cho vợ chồng chúng tôi. Đến thời

hạn trả nợ thì ông D bà T không trả và cũng đã đôn đốc nhiều lần yêu cầu ông D bà T trả nhưng ông bà D T không chịu trả. Nên tôi mới làm đơn khởi kiện yêu cầu ông bà D T phải trả cho tôi số tiền là 97.038.000 đồng;

Còn số tiền lãi suất: Do hai bên tin tưởng nhau nên trong giấy chốt nợ hai bên thỏa thuận lãi suất. nhưng quá thời hạn ông D bà T không chịu trả nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông D bà T trả tiền lãi suất. Tính từ ngày 20/7/2019 đến ngày hôm nay là 09/8/2022 với 10%/ năm cụ thể tiền lãi là 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) làm tròn. Tổng số tiền mà ông D bà T phải cho tôi số tiền là 126.838.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng). Do điều kiện của ông bà D T nên không yêu cầu bà T và ông D trả thêm tiền lãi suất phát sinh sau ngày 09/8/2022.

Về án phí DSST: Do ông D bà T nên ông D bà T phải chịu án phí DSST theo quy định.

**** Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị T có trong hồ sơ vụ án trình bày:***

Đúng là tôi và ông Lê Văn D có mua cám để chăn nuôi heo của ông bà H D. Đến ngày 19/7/2019 giữa hai bên có cộng sổ chốt nợ lại với nhau thể hiện tôi và ông Lê Văn D nợ ông Phạm Văn H với số tiền là 97.038.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng*); hai bên hẹn đến cuối năm sẽ thu xếp trả toàn bộ số tiền này cho ông H. Nhưng đến thời hạn theo như cam kết vợ chồng không trả được cho ông H nên ông H mới làm đơn khởi kiện tôi và ông Lê Văn D. Số tiền mà tôi và ông D nợ là tiền mua cám để chăn nuôi heo. Do chúng tôi không trả được nên ông H mới làm đơn khởi kiện tôi và ông Lê Văn D lên Tòa án; yêu cầu tôi và ông Lê Văn D phải trả số tiền gốc là 97.038.000 đồng; số tiền lãi tính đến ngày 09/8/2022 thừa nhận số tiền lãi là 29.800.000 đồng. Đồng ý phải trả cho ông H bà Dung với số tiền là 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Lê Văn D nhưng ông D không hợp tác, không lên Tòa án làm việc và các đương sự có mặt đề nghị lập biên bản để giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền là 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*). Còn tiền lãi phát sinh sau ngày 09/8/2022 không yêu cầu; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 218; Điều 145; Điều 228; Điều 227 của BLTTDS;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 BLDS; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Phạm Văn H và bà Hồ Thị D số tiền 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc; Tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lê Văn D không hợp tác, không lên Tòa án làm việc nên Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng và Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Phiên tòa ngày 06/9/2022 bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T, cư trú tại: Thôn B, xã N B, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật tranh chấp:** Ngày 19/7/2019 ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T cộng sổ với ông Phạm Văn H và bà Hồ Thị D thể hiện ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T nợ ông H bà D số tiền mua cám chăn nuôi heo là 97.038.000 đồng. Hẹn đến cuối năm 2019 sẽ trả toàn bộ số tiền này và nguyên đơn cũng yêu cầu rất nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả số tiền cho nguyên đơn nên nội dung tranh chấp là việc mua bán tài sản và quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về thời hiệu khởi kiện:** hai bên làm giấy chốt tiền nợ đề ngày 01/10/2019 19/7/2019 và đến ngày 31/12/2019 người nợ phải trả toàn bộ số tiền cho người cho chủ nợ. Ngày 22/03/2022 người chủ nợ đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Phạm Văn H yêu cầu ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền 97.038.000 đồng và khoản tiền lãi là 29.800.000 đồng. Tổng số tiền là 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T thừa nhận còn nợ ông H với số tiền 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*) và xin hẹn đến cuối năm 2022 sẽ thu xếp trả số tiền này, còn ông Lê Văn D không hợp tác không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên. Tuy nhiên, hiện nay bà T chưa có tiền để thanh toán và xin thêm thời gian để trả nhưng ông H không đồng ý và buộc ông D bà T phải trả số tiền này.

Theo Điều 430 và khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Điều 430. Hợp đồng mua bán tài sản

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.

Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”.

.....

Theo đó, tại giấy vay đối chiếu công nợ giữa hai bên lập ngày 19/7/2019 thể hiện bên mua còn nợ lại bên bán số tiền là 97.038.000 đồng; hai bên hẹn đến cuối năm 2019 sẽ thanh toán nốt số tiền này cho bên bán; đến thời hạn trả nợ bên mua không thanh toán tiền cho bên bán và bên bán cũng đã đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng bên mua ông D bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, ông H yêu cầu ông D bà T phải trả số tiền là 97.038.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi tính nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm tính đến ngày 09/8/2022 là 29.800.000 đồng, các đương sự có mặt đều đồng ý và phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên yêu cầu của ông H là có căn cứ;

[2] Xét biên bản đối chiếu công nợ mà các bên đã thể hiện với nhau vào ngày 19/7/2022; hai bên hoàn toàn tự nguyện; đều thừa nhận giấy chốt nợ này là có thực nên không phải chứng minh.

[3] Đối với tiền lãi sau ngày 09/8/2022 nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhận dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông là có căn cứ và cần chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông Phạm Văn H là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Phạm Văn H và bà Hồ Thị D số tiền 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

[6]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận, vì vậy ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H

1. Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Phạm Văn H và bà Hồ Thị D số tiền 126.838.000 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*). Trong đó, số tiền gốc là 97.038.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng*) và số tiền lãi tính đến ngày 09/8/2022 là 29.800.000 đồng (*Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

2. Về lãi suất: Đình chỉ giải quyết về phần lãi xuất (từ sau ngày 09/8/2022 đến 22/9/2022) do nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất.

3. Về án phí DSST: 6.342.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.342.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*)

Hoàn trả ông Phạm Văn H số tiền 3.590.000 đồng (*Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001374 ngày 22 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ S.

*** Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đ S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ
Phạm Văn Quân

